

Số: 516 /QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định xét miễn, giảm và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo chính quy và vừa làm vừa học”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Điều lệ Trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào quy định đào tạo đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 sửa đổi, bổ sung Quyết định 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét miễn, giảm và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo chính quy và vừa làm vừa học (VLVH) học tập tại trường Đại học Tân Trào.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị có liên quan trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Bá Đức

QUY ĐỊNH

Xét miễn giảm và công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

(Ban hành kèm theo quyết định số: 516 /QĐ-ĐHTTr ngày 07 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH Tân Trào)

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về việc xét miễn, giảm môn học và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập đã học của sinh viên trong chương trình đào tạo cao đẳng, đại học theo hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học (VLVH) tham gia học tập tại Trường Đại học Tân Trào.

Điều 2. Điều kiện, nguyên tắc xét miễn giảm môn học và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập

1. Các môn học thuộc khối kiến thức đại cương

1.1. Điều kiện xét miễn

a. Các môn học khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương)

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học đã tích lũy các môn học khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung và số tín chỉ hoặc đơn vị học trình tương đương (xét miễn đối với trường hợp sinh viên tiếp tục học để lấy bằng đại học thứ hai).

- Có bằng cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trung cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị - hành chính.

- Sinh viên học song song 2 chương trình được miễn học cho chương trình thứ hai.

b. Các học phần Giáo dục thể chất (GDTC) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được xét miễn môn học nếu sinh viên có một trong các điều kiện sau:

- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất.

- Sinh viên đang theo học văn bằng đại học thứ hai (có giấy xác nhận kết quả học tập các môn học GDTC đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 trong khi học văn bằng thứ nhất).

- Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành thể dục thể thao.

- Sinh viên thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động, không đủ sức khỏe học một số nội dung trong chương trình Giáo dục thể chất được xem xét miễn, giảm những nội dung không phù hợp hoặc được theo học các nội dung thay thế phù hợp khác nhưng phải có giấy chứng nhận, xác nhận của cơ quan giám định y khoa hoặc bệnh viện từ cấp huyện và tương đương trở lên.

c. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh (GDQP-AN)

Thực hiện theo Điều 4, Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

d. Các môn học tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xét miễn học nếu SV đạt yêu cầu sau:

- Sinh viên có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên (phôi chứng chỉ của Bộ GD&ĐT) hoặc chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin trở lên.

- Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp kỹ thuật viên, trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành khoa học máy tính và công nghệ thông tin.

e. Các học phần ngoại ngữ không chuyên thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương

Nhà trường xét miễn các học phần ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên vào đầu mỗi học kỳ, trước khi kết thúc thời gian đăng ký môn học, việc xét miễn môn học như sau:

- Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sẽ được miễn học học phần tiếng Anh không chuyên (chi tiết theo Bảng 1).

- Sinh viên là người nước ngoài theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt có nguyện vọng không học các học phần ngoại ngữ không chuyên.

- Sinh viên đã có bằng đại học, cao đẳng của chương trình đào tạo được giảng dạy bằng 1 trong 5 thứ tiếng: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức và tiếng Trung Quốc được miễn học các học phần ngoại ngữ không chuyên.

1.2. Nguyên tắc xét miễn

Kết quả xét miễn đối với học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được ghi nhận trong bảng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên và ghi "Miễn" ở cột điểm số.

2. Các môn học khác trong chương trình đào tạo

2.1. Căn cứ để xét là chương trình đào tạo hệ chính quy và vừa làm vừa học hiện hành của ngành/chuyên ngành sinh viên được xếp vào học và bảng điểm đã tích lũy của sinh viên đó.

2.2. Quy đổi số đơn vị học trình (ĐVHT)/số tiết/số tín chỉ (TC) của các học phần/môn học (*sau đây gọi là môn học*) đã tích lũy sang số tín chỉ trong chương trình đào tạo bậc đại học của Trường Đại học Tân Trào theo nguyên tắc:

- 2 ĐVHT = 30 tiết = 1 tín chỉ
- 3 ĐVHT = 45 tiết = 2 tín chỉ
- 4 ĐVHT = 60 tiết = 3 tín chỉ
- 5 ĐVHT = 75 tiết = 4 tín chỉ
- 6 ĐVHT = 90 tiết = 5 tín chỉ

Cách quy đổi thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4 được thực hiện theo bảng sau đây:

STT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5 đến 5,4	D+	1,5
7	Từ 4 đến 4,9	D	1,0
8	Từ 2,5 đến 3,9	F+	0,5
9	Từ 0 - 2,4	F	0

Học phần chỉ được xem là tích lũy khi đạt từ điểm C trở lên theo thang điểm chữ, từ điểm 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và từ điểm 2,0 trở lên theo thang điểm 4.

2.3. Nguyên tắc công nhận chuyển đổi kết quả học tập:

a) Môn học đã tích lũy có cùng tên gọi (hoặc tương tự) và có số ĐVHT/TC tương đương trở lên so với môn học ở chương trình đào tạo sẽ học thì được chuyển điểm.

b) Môn học đã tích lũy có cùng tên gọi (hoặc tương tự) và có số ĐVHT/TC nhỏ hơn so với môn học ở bậc đại học: *Sinh viên phải học học phần bổ sung*. Điểm đánh giá môn học là điểm trung bình chung có trọng số (theo số ĐVHT/TC) của môn học đã tích lũy và học phần bổ sung.

c) Môn học trong chương trình đào tạo được xác định là hợp nhất từ hai hay nhiều môn học đã học ở bậc trung cấp, cao đẳng và có tổng số ĐVHT/TC tương đương trở lên thì được chuyển điểm. Điểm đánh giá học phần ở bậc đại học là điểm trung bình chung có trọng số (theo số ĐVHT/TC) các môn học thành phần đã học ở bậc trung cấp, cao đẳng.

Điều 3. Thời gian xét miễn giảm và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập

1. Vào đầu khóa học, căn cứ vào chương trình đào tạo, sinh viên làm đơn đề nghị xem xét miễn giảm và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các minh chứng gửi khoa chuyên môn và phòng Đào tạo.

2. Sinh viên học liên thông lên cao đẳng, đại học, văn bằng đại học thứ 2 được xét ngay sau khi có quyết định trúng tuyển.

3. Trong quá trình học tập sinh viên có thể đề nghị xét miễn giảm và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập bổ sung vào đầu mỗi học kỳ hoặc trước khi tốt nghiệp (đối với học phần tin học, ngoại ngữ không chuyên).

Điều 4. Thẩm quyền xét miễn giảm và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập

1. Trưởng khoa/bộ môn/trung tâm xem xét đề xuất phòng Đào tạo lập quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt kết quả miễn giảm và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập.

2. Những trường hợp không nằm trong phạm vi áp dụng của nguyên tắc này sẽ được các khoa/bộ môn/trung tâm chuyên môn phối hợp với phòng Đào tạo xem xét trình Hiệu trưởng quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Bá Đức

Bảng 1. Bảng các loại chứng chỉ được xét miễn học Tiếng Anh không chuyên

(Kèm theo Quyết định số 516/QĐ-ĐHTT ngày 07/8/2017

của Trường Đại học Tân Trào)

CEFR	TOEFL (ETS)			Cambridge English		Học phần Tiếng Anh không chuyên được miễn
	IBT (Internet-based)	CBT (Computer – based)	PBT (Paper – based)			
A2	40	120	433	IELTS (Academic) 4.0	KET 70 – 89 PET 40 – 49	- Miễn học học phần Tiếng Anh 1. - Đủ điều kiện đăng ký học học Tiếng Anh 2.
Pre- B1	41 – 56	111- 159	420 – 482	IELTS (Academic) 4.5	KET 90-100 PET 50 - 69	- Miễn học học phần Tiếng Anh 1,2. - Đủ điều kiện đăng ký học Tiếng Anh 3.
B1 <i>(Không quá 2 năm)</i>	57 Trở lên <i>(Không quá 2 năm)</i>	160 Trở lên <i>(Không quá 2 năm)</i>	483 Trở lên <i>(Không quá 2 năm)</i>	IELTS (Academic) 5.0 Trở lên <i>(Không quá 2 năm)</i>	PET 70 Trở lên FCE 141 Trở lên <i>(Không quá 2 năm)</i>	- Miễn học học phần Tiếng Anh 1,2,3.